

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
công trình Tuyến đường 4C, thành phố Sầm Sơn
(đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường vành đai phía Nam).**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường 4C, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường vành đai phía Nam); Nghị quyết số 337/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Tuyến đường 4C, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường vành đai phía Nam);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 9823/SXD-HĐXD ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Tuyến đường 4C, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường vành đai phía Nam); kèm theo hồ sơ và báo cáo thẩm định số 9717/SXD-HĐXD ngày 28/12/2022; của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Sầm Sơn tại tờ trình số 1655/TTr-QLDA ngày 22/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Tuyến đường 4C, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường vành đai phía Nam) với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Tuyến đường 4C, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường vành đai phía Nam).

2. Người quyết định đầu tư: UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sầm Sơn.

4. Địa điểm xây dựng: Phường Quảng Vinh, xã Quảng Hùng và xã Quảng Đại, thành phố Sầm Sơn.

5. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 9,0 ha.

6. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Nhóm B, Công trình giao thông, cấp III.

7. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Công ty cổ phần Việt Thanh - Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và đầu tư Thanh Hóa.

8. Mục tiêu đầu tư: Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông của thành phố Sầm Sơn theo quy hoạch; kết nối khu vực trung tâm thành phố Sầm Sơn với các xã, phường phía Nam thành phố; tạo không gian mới, điểm nhấn cảnh quan ven biển, thúc đẩy phát triển du lịch phía Nam thành phố Sầm Sơn, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

9. Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường 4C, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường vành đai phía Nam) có chiều dài 4,49km; đạt tiêu chuẩn đường khu vực theo QCVN07-4:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình giao thông; tốc độ thiết kế $V_{tk}=40\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_{nền}=20\text{m}$; bề rộng mặt đường $B_{mặt}=2 \times 7=14\text{m}$; bề rộng vỉa hè $B_{hè}=2 \times 3=6\text{m}$.

10. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

10.1. Bình đồ, hướng tuyến:

Bình đồ tuyến, hướng tuyến tuân thủ theo Quy hoạch chung thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 17/7/2017, riêng đoạn (Km4+00 - Km4+490,20) hướng tuyến điều chỉnh về phía Đông so với quy hoạch để tránh ảnh hưởng phạm vi đền thờ Đông Hải Đại Vương Nguyễn Phục; cụ thể:

- Điểm đầu: Km0+00 giao với đường Trần Hưng Đạo (theo quy hoạch) thuộc địa phận phường Quảng Vinh;

- Điểm cuối: Km4+490,20 giao với đường vành đai phía Nam thuộc địa phận xã Quảng Đại, thành phố Sầm Sơn.

Toàn tuyến có 12 đường cong nằm, bán kính nhỏ nhất $R_{\min}=100\text{m}$.

10.2. Cắt dọc:

Cao độ thiết kế cơ bản tuân thủ theo cao độ quy hoạch được duyệt và thiết kế trên cơ sở các điểm khống chế thỏa mãn các cao độ khống chế về thủy văn, các cao độ quy hoạch, tĩnh không tại các vị trí giao cắt hiện có, vị trí cầu. Độ dốc dọc lớn nhất $i_{max}=0,04\%$.

10.3. Cắt ngang:

Chiều rộng nền đường $B_{nền}=20,0m$; Bề rộng mặt đường $B_{mặt}=14,0m$; Bề rộng hè đường $B_{hè}=2x3,0m=6,0m$. Độ dốc ngang mặt đường hai mái $i_m=2\%$; dốc hè đường $i_h=-2\%$ hướng vào mặt đường

10.4. Nền đường:

Tuyến chủ yếu là nền đắp; độ dốc mái ta luy đắp 1/1,5; trước khi đắp đào bỏ lớp đất không thích hợp với chiều dày tùy từng vị trí theo hồ sơ khảo sát địa chất và thuyết minh tính toán; đắp trả bằng đất đòi đạt $K \geq 0,95$.

10.5. Mặt đường:

Mặt đường thiết kế với kết cấu mặt đường cấp cao loại A1 đảm bảo cường độ mặt đường $E_{yc} \geq 140Mpa$. Kết cấu từ trên xuống dưới, gồm: Bê tông nhựa (BTN) C16 dày 7cm; tưới dính bám $0,5kg/m^2$; láng nhựa 01 lớp TCN 1,8 Kg/m^2 ; đá 4x6 chèn đá dăm dày 15cm (lớp trên), đá dăm tiêu chuẩn 4x6 lớp dưới dày 26cm; lớp đất sét đáy kết cấu áo đường dày 30cm đầm lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$.

10.6. Nút giao:

Dạng giao bằng; tổ chức giao thông bằng biển báo, sơn vạch kẻ đường, gờ giảm tốc. Kết cấu áo đường trong phạm vi nút giao tương tự như kết cấu phần tuyến.

10.7. Đường ngang dân sinh:

Vuốt nổi đảm bảo êm thuận, độ dốc dọc $i \leq 4\%$; các nhánh rẽ được mở rộng để đảm bảo an toàn giao thông; kết cấu mặt đường bằng BTXM hoặc BTN tùy theo kết cấu mặt đường hiện trạng.

10.8. Lát hè, bó vỉa, gờ bó hè, đan rãnh, hố trồng cây:

- Đan rãnh BTXM M200, kích thước (Lx30x5)cm được đổ trực tiếp móng bê tông M150 dày (13-16) cm;

- Hè đường: Lát hè bằng đá đục nhám KT(30x30x3)cm; đệm VXM M75 dày 2cm và lớp bê tông M100 đệm dày 5cm; khóa vỉa hè bằng bê tông M150 kích thước (10x10)cm, đặt trên lớp bê tông M100 dày 5cm.

- Bó vỉa hè đường: Bó vỉa vát bằng đá vát kích thước (26x23x100)cm đối với đoạn thẳng và (26x23x50)cm đối với đoạn cong; bó vỉa đặt trên lớp bê tông M150 đá 1x2 dày 10cm dùng vữa xi măng M100 dày 2cm liên kết.

- Hố trồng cây: Kích thước hố trồng cây là 1,2x1,2. Bao hố trồng cây bằng thanh đá xẻ bên dưới là bê tông đệm M100 dày 5cm ở giữa đệm vữa XM M75 dày 2cm, cos bằng với cos mặt lát hè.

- Cây xanh: Trồng cây Sao Đen (chiều cao $\geq 4,5m$, đường kính tiêu chuẩn đo tại vị trí cách mặt bầu 1,3m là (8-10cm)).

10.9. Công trình thoát nước:

a) Công trình thoát nước dọc:

* Hệ thống thoát nước dọc phải tuyến:

- Rãnh dọc với khẩu độ thoát nước $B=0,5\text{m}$; chiều cao trung bình $H_{tb}=100\text{cm}$. Độ dốc tối thiểu $i=0,03\%$. Kết cấu: Đáy, thân rãnh bằng BTXM M150; dưới đáy rãnh đệm đá dăm dày 10cm; mũ mố bằng BTCT M200. Rãnh được đập tấm đan BTCT M250 dày 12cm có kích thước (100x70x12)cm. Cao độ mặt rãnh nằm dưới lớp lát vỉa hè.

Tại các vị trí qua đường ngang sử dụng rãnh chịu lực, khẩu độ thoát nước $B=0,5\text{m}$; Kết cấu: Đáy, thân rãnh bằng BT M150; dưới đáy rãnh đệm đá dăm dày 10cm; Độ dốc rãnh tối thiểu $i=0,10\%$. Rãnh được đập tấm đan BTCT M250 dày 15cm có kích thước (100x80x15)cm.

- Hồ thu: Bố trí với khoảng cách trung bình 30m/hố. Kết cấu đáy, thân hố bằng BTXM M150; dưới đáy hố thu đệm đá dăm dày 10cm; mũ mố bằng BTCT M200. Nắp đan bằng BTCT M250 dày 12cm. Nước được thu vào rãnh dẫn bằng BT M200, phía trên rãnh dẫn là lưới chắn rác composite và tấm bản BTCT M200 dày 8cm đỡ bó vỉa.

* Hệ thống thoát nước dọc trái tuyến:

- Sử dụng cống tròn ly tâm đúc sẵn; gờ đỡ cống bằng BTCT M200. Trong đó: Đoạn từ Km0+31,59-Km0+651,59 sử dụng cống $\text{ĐK}=1,5\text{m}$; đoạn Km0+651,59-Km1+061,59 sử dụng cống $\text{ĐK}=1,0\text{m}$; đoạn Km1+091-Km1+776 sử dụng cống $\text{ĐK}=1,2\text{m}$; đoạn Km1+776-Km2+206 sử dụng cống $\text{ĐK}=0,80\text{m}$; đoạn Km2+250-Km2+700 sử dụng cống $\text{ĐK}=1,0\text{m}$; đoạn Km2+700-Km2+945 sử dụng cống $\text{ĐK}=0,6\text{m}$; đoạn Km2+983-Km4+471,16 sử dụng cống $\text{ĐK}=0,6\text{m}$;

- Hồ thu nước được bố trí với khoảng cách trung bình 30m/hố. Kết cấu: Thân và thành hố bằng BT M200 dày 30cm dưới đệm đá dăm dày 10cm; nước thu qua lưới chắn rác Composite đặt dưới lòng đường với tải trọng 400KN.

b) Công trình thoát nước ngang:

Toàn tuyến có 17 công trình cống thoát nước ngang; tải trọng thiết kế H30-XB80; tần suất thiết kế $P=4\%$. Trong đó xây dựng mới 14 cống bản $KĐ=1,50\text{m}$; 01 cống bản $KĐ=3,40\text{m}$; giữ nguyên 02 cống tròn $\text{ĐK}=2,0\text{m}$.

- *Kết cấu cống bản $KĐ=1,50\text{m}$* : Toàn bộ móng cống, thân cống, tường cánh, sân thượng hạ lưu bằng bê tông M150, mũ mố BTCT M200, bản BTCT M250, lắp ghép, móng đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10 cm. Mặt cống nằm dưới lớp bê tông nhựa chặt C16 dày 7cm.

- *Kết cấu cống bản $KĐ=3,4\text{m}$* : Toàn bộ thân cống, tường cánh, móng, sân cống bằng BTXM M150; mũ mố, gờ lan can bằng BTCT M250; dầm bản bằng BTCT M300; Mặt cống nằm dưới lớp bê tông nhựa chặt C16 dày 7cm; bản quá độ bằng BTCT M250.

10.10. Hệ thống chiếu sáng đường phố:

- Nguồn điện trung thế 22kV: Trạm biến áp chiếu sáng số 1 được đấu nối điện tại vị trí xã Quảng Đại; Trạm biến áp chiếu sáng số 2 được đấu nối điện tại vị trí phường Quảng Vinh. Để đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể của dự án, đường dây trung áp được chọn bằng đường dây cáp ngầm 22kV. Trạm biến áp chiếu sáng xây dựng mới kiểu trạm trụ. Xây dựng mới ĐZ-22kV sử dụng cáp Cu/XLPE/CTS/PVC/DSTA/PVC-W 3x70 (24kV) có chiều dài 1526m để cấp điện cho các TBA chiếu sáng.

- Cột đèn chiếu sáng sử dụng loại cột chế tạo bằng thép mạ kẽm nhúng nóng. Cột bát giác liền cần đơn 8m, dày 3,5mm; tấm đế dày 10mm.

- Hệ thống chiếu sáng gồm 129 bóng đèn cao áp được cấp từ tủ điện điều khiển công suất riêng biệt và được lấy nguồn điện 380V từ trạm biến áp xây dựng mới, 02 trạm hợp bộ 31,5kVA - 22/0,4kV.

- Sử dụng cáp đồng ngầm 0,6/1kV (Cu/XLPE/PVC/PVC) được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE D65/50 và chôn trực tiếp trong đất. Các vị trí vượt đường giao thông, đi trên thành bê tông, đi trong công kỹ thuật thì sử dụng ống thép mạ kẽm D65 thay cho ống nhựa HDPE kéo rải dọc suốt tuyến thiết kế chiếu sáng để cấp nguồn cho đèn.

- Hệ thống chiếu sáng được điều khiển thông qua tủ điều khiển công suất riêng biệt. Chế độ vận hành của tuyến chiếu sáng được điều khiển tự động tại chỗ thông qua rơ le thời gian lắp tại các tủ điều khiển đặt ở cạnh trạm cấp nguồn.

10.11. Tổ chức giao thông:

Xây dựng đồng bộ các công trình an toàn giao thông theo đúng các quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41 - 2019/BGTVT. Sơn mặt đường dùng sơn dẻo nhiệt, biển báo trên tuyến được thiết kế mới, dùng biển sơn phản quang.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế cơ sở kèm theo)

11. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

12. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 604.984.660.000 đồng (Sáu trăm linh bốn tỷ, chín trăm tám mươi tư triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	396.975.000.000	đồng.
- Chi phí xây dựng:	126.891.017.000	đồng.
- Chi phí thiết bị:	1.218.702.000	đồng.
- Chi phí QLDA:	1.651.486.000	đồng.
- Chi phí TV ĐTXD:	5.933.951.000	đồng.
- Chi phí khác:	2.304.870.000	đồng.
- Dự phòng:	70.009.634.000	đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

13. Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh bố trí 93,916 tỷ đồng; vốn ngân sách thành phố, nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách thành phố Sầm Sơn và các nguồn huy động hợp pháp khác 511,084 tỷ đồng, chi phí bồi thường GPMB do ngân sách thành phố Sầm Sơn đảm nhận.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

15. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2025.

16. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Phù hợp với quy mô và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Tổ chức thực hiện: Giao UBND thành phố Sầm Sơn làm chủ đầu tư tiêu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Sầm Sơn có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình; trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Xây dựng tại văn bản số 9717/SXD-HĐXD ngày 28/12/2022.

- UBND thành phố Sầm Sơn tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Sầm Sơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
DỰ ÁN: TUYẾN ĐƯỜNG 4C, THÀNH PHỐ SẦM SƠN (ĐOẠN TỪ ĐƯỜNG TRẦN HƯNG
ĐẠO ĐẾN ĐƯỜNG VÀNH ĐẠI PHÍA NAM)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP TÍNH	THÀNH TIỀN
I	CHI PHÍ GPMB	Bảng tính chi tiết	396.975.000.000
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		396.975.000.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG		126.891.017.000
1	Phần giao thông	Bảng tổng hợp chi phí xây dựng	117.736.485.000
2	Hệ thống điện chiếu sáng		9.154.532.000
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Theo bảng tổng hợp chi phí thiết bị	1.218.702.000
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	(Gxd+Gtb) trước thuế x 0,8 x 1,750%	1.651.486.000
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		5.933.951.000
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo NCKT	QĐ số 76/QĐ-BQLDA ngày 02/3/2022 của Giám đốc BQLDA ĐTXD thành phố Sầm Sơn	836.000.000
2	Chi phí khảo sát bước lập thiết kế BVTC	Bảng tính chi tiết	511.096.000
3	Chi phí thiết kế BVTC + DT	Gxd trước thuế x 1,045%	1.318.324.000
4	Lập hồ sơ thiết kế và thi công cắm cọc GPMB	Bảng tính chi tiết	253.523.000
5	Chi phí thẩm tra		
-	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	Gxd trước thuế x 0,082%	103.650.000
-	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	Gxd trước thuế x 0,080%	100.702.000
-	Thẩm tra ATGT trước khi đưa vào sử dụng	Tạm tính	50.000.000
6	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT		
-	Gói thầu lựa chọn nhà thầu tư vấn Khảo sát, lập báo cáo NCKT	QĐ số 391/QĐ-BQLDA ngày 15/11/2021 của Giám đốc BQLDA ĐTXD thành phố Sầm Sơn	6.326.000
-	Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	(Gxd + Gk3) trước thuế x 0,084%	106.694.000
-	Các gói thầu tư vấn KS-TK BVTC	(Gtv2+Gtv3+Gtv4) trước thuế x 0,708%	14.743.000
-	Các gói thầu tư vấn giám sát	Gtv8.1 trước thuế x 0,709%	14.675.000
-	Các gói thầu tư vấn kiểm toán	Gk1 trước thuế x 0,816%	6.490.000
-	Gói thầu mua sắm thiết bị	Gtb trước thuế x 0,261%	3.487.000
7	Phí thẩm định HSMT và KQ LCNT		
-	Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	Mức tối đa theo ND 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014	100.000.000
-	Các gói thầu tư vấn (tư vấn KS-TK BVTC, tư vấn giám sát, kiểm toán)	Mức tối thiểu theo ND 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014	6.000.000
-	Gói thầu mua sắm thiết bị		2.000.000
8	Chi phí giám sát thi công		
-	Giám sát thi công xây dựng	Gxd trước thuế x 1,640%	2.068.763.000

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP TÍNH	THÀNH TIỀN
-	Giám sát lắp đặt thiết bị	Gtb trước thuế x 0,677%	8.223.000
-	Giám sát công tác rà phá bom mìn, vật nổ	Gk4 trước thuế x 3,203%	17.296.000
-	Giám sát công tác cắm cọc GPMB	Gtv4 trước thuế x 3,203%	8.121.000
9	Chi phí thẩm định giá thiết bị, vật tư	Tạm tính	80.000.000
10	Khảo sát, lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát rà phá bom mìn, vật nổ	Gk4 trước thuế x 3,000%	16.200.000
11	Chi phí tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động MT	QĐ 226/QĐ-BQLDA ngày 16/6/2022 của Giám đốc BQLDA ĐTXD thành phố Sầm Sơn	301.638.000
VI	CHI PHÍ KHÁC		2.304.870.000
1	Chi phí kiểm toán		809.971.000
-	Chi phí kiểm toán phần không bao gồm GPMB (99/2021/NĐ-CP)	(TMĐT – Ggpm) x 0,181%	414.472.000
-	Chi phí kiểm toán phần GPMB (theo điểm d Điều 46-NĐ 99/2021/NĐ-CP)	Ggpm x 0,5 x 0,181%	395.499.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		255.182.000
-	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán phần không bao gồm GPMB (99/2021/NĐ-CP)	(TMĐT – Ggpm) x 0,5 x 0,126%	130.580.000
-	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán phần GPMB (theo điểm d Điều 46-NĐ 99/2021/NĐ-CP)	Ggpm x 0,5 x 0,5 x 0,126%	124.602.000
3	Chi phí bảo hiểm xây dựng công trình	Gxd trước thuế x 0,25%	321.274.000
4	Chi phí rà phá bom mìn	10ha x 50tr/ha	500.000.000
5	Phí thẩm định Báo cáo Nghiên cứu khả thi	TMĐT x 0,007%	41.814.000
6	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động MT	QĐ 225/QĐ-BQLDA ngày 15/6/2022 của Giám đốc BQLDA ĐTXD thành phố Sầm Sơn	25.000.000
7	Đảm bảo ATGT trong quá trình thi công	Khái toán chi tiết	151.629.000
8	Chi phí thỏa thuận đấu nối điện		150.000.000
9	Chi phí kiểm tra của Cơ quan QLNN	Tạm tính	50.000.000
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		70.009.634.000
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh khối lượng	(I+II+III+IV+V+VI) x 9,9%	53.029.954.000
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	(I+II+III+IV+V+VI) x 3,17%	16.979.680.000
	Tổng cộng	I+II+III+IV+V+VI+VII	604.984.660.000